

Số: /QĐ-BNN-PCTT Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án thành phần số 10: Xử lý cấp bách
các công xung yếu dưới đê tỉnh Nam Định thuộc dự án
Xử lý cấp bách các công xung yếu dưới đê từ đê cấp III trở lên**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3378/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xử lý cấp bách các công xung yếu dưới đê từ đê cấp III trở lên; Quyết định số 3098/QĐ-BNN-KH ngày 16/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xử lý cấp bách các công xung yếu dưới đê từ đê cấp III trở lên;

Căn cứ văn bản số 613/UBND-VP3 ngày 22/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc giao Chủ đầu tư thực hiện dự án Xử lý cấp bách các công xung yếu dưới đê từ đê cấp III trở lên trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Xét Tờ trình số 597/TTr-BQL-TĐ ngày 17/8/2022 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thành phần số 10: Xử lý cấp bách các công xung yếu dưới đê tỉnh Nam Định thuộc dự án Xử lý cấp bách các công xung yếu dưới đê từ đê cấp III trở lên, kèm theo văn bản số 36.TP10/TTTN-CXY ngày 17/8/2022 của Trung tâm Tư vấn Khoa học công nghệ Phát triển tài nguyên nước về việc báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án

thành phần số 10: Xử lý cấp bách các công xung yếu dưới đê tỉnh Nam Định thuộc dự án Xử lý cấp bách các công xung yếu dưới đê từ đê cấp III trở lên.

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng, chống thiên tai (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 49/BC-PCTT-QLĐĐ ngày 22/8/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án thành phần số 10: Xử lý cấp bách các công xung yếu dưới đê tỉnh Nam Định với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án thành phần

Dự án thành phần số 10: Xử lý cấp bách các công xung yếu dưới đê tỉnh Nam Định.

2. Thuộc dự án: Xử lý cấp bách các công xung yếu dưới đê từ đê cấp III trở lên.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đảm bảo khả năng vận hành của các công dưới đê, giữ an toàn đê điều trong mùa bão lũ.

6. Quy mô đầu tư xây dựng: Xây dựng mới 07 công thay thế công cũ

- Công Số 7 tại K194+841 đê hữu Hồng, huyện Xuân Trường.
- Công Chúa tại K209+519 đê hữu Hồng, huyện Giao Thủy.
- Công Nghĩa Trang tại K21+925 đê hữu Đào, huyện Ý Yên.
- Công Sa Đê tại K20+311 đê hữu Ninh Cơ, huyện Trực Ninh.
- Công trạm bơm Đồng Cao tại K22+720 đê hữu Đào, huyện Ý Yên.
- Công An Phú tại K3+170 đê tả Ninh, huyện Xuân Trường.
- Công Thanh Khê tại K167+162 đê tả Đáy, huyện Ý Yên.

7. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn xây dựng NN & PTNT Nam Định - Trung tâm chính sách và Kỹ thuật phòng chống thiên tai - Công ty cổ phần tư vấn xây dựng thuỷ lợi Thanh Hoá - Trung tâm nghiên cứu địa kỹ thuật.

8. Địa điểm xây dựng: Huyện Ý Yên, huyện Trực Ninh, huyện Xuân Trường và huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

9. Loại, nhóm dự án, cấp công trình

- Loại, nhóm dự án: Công trình đê điều, nhóm B.
- Cấp công trình: Đê cấp II, cấp III.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 12845:2020 - Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

- TCVN 9902:2016 - Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông.

- TCVN 8419:2010 - Công trình thủy lợi - Thiết kế công trình bảo vệ bờ sông để chống lũ.

- TCVN 4253:2012 - Nền các công trình thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9152:2012 - Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn.

- TCVN 4116:1985 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế.

11. Phương án xây dựng

11.1. Xây dựng mới cống Số 7 tại K194+841 đê hữu Hồng, huyện Xuân Trường:

- Cống lộ thiên bằng bê tông cốt thép M250, chiều rộng $B=4,0\text{m}$, cao độ đáy $-1,70\text{m}$; xử lý nền bằng cọc bê tông cốt thép M300; hai bên thân cống đắp đất sét luyện; liên kết giữa các phân đoạn cống, giữa cống và tường cánh bằng khớp nối đồng; chống thấm đáy cống phía sông, phía đồng bằng cừ larsen.

- Tường cánh thượng hạ lưu, bề tiêu năng bằng bê tông cốt thép M250, xử lý nền tường cánh bằng cọc bê tông cốt thép M300.

- Kênh nối tiếp cửa vào, cửa ra kết cấu đáy bằng bê tông cốt thép M250 và rọ thép lõi đá hộc; mái kênh được gia cố bằng cấu kiện bê tông âm dương đúc sẵn.

- Cửa van phẳng bằng thép, đóng mở bằng tời điện.

11.2. Xây dựng mới cống Chúa tại K209+519 đê hữu Hồng, huyện Giao Thủy:

- Cống hộp bằng bê tông cốt thép M300, khẩu độ $1 \times (2,0 \times 3,0)\text{m}$, cao độ đáy $-1,50\text{m}$; xử lý nền bằng cọc bê tông cốt thép M300; hai bên thân cống và trên đỉnh cống đắp đất sét luyện; liên kết giữa các phân đoạn cống, giữa cống và tường cánh bằng khớp nối đồng; chống thấm đáy cống phía sông bằng cừ larsen.

- Tường cánh thượng hạ lưu, bề tiêu năng bằng bê tông cốt thép M300, xử lý nền tường cánh bằng cọc bê tông cốt thép M300.

- Kênh nối tiếp phía sông kết cấu đáy bằng rọ thép lõi đá hộc; mái gia cố bằng cấu kiện bê tông âm dương đúc sẵn.

- Kênh nối tiếp phía đồng kết cấu đáy bằng bê tông cốt thép M300 và rọ thép lõi đá hộc; mái gia cố bằng cấu kiện bê tông âm dương đúc sẵn.

- Cửa van phẳng bằng thép, đóng mở bằng vít điện kết hợp thủ công.

11.3. Xây dựng mới cống Nghĩa Trang tại K21+925 đê hữu Đào, huyện Ý Yên:

- Cống hộp bằng bê tông cốt thép M250, khẩu độ $1 \times (1,5 \times 2,0)\text{m}$, cao độ đáy

+0,50m; xử lý nền bằng cọc bê tông cốt thép M300; hai bên thân cống và trên đỉnh cống đắp đất sét luyện; liên kết giữa các phân đoạn cống, giữa cống và tường cánh bằng khớp nối đồng; chống thấm đáy cống phía sông bằng cừ larsen.

- Tường cánh thượng hạ lưu, bề tiêu năng bằng bê tông cốt thép M250, xử lý nền tường cánh bằng cọc bê tông cốt thép M300.

- Kênh nối tiếp cửa vào, cửa ra kết cấu đáy bằng bê tông cốt thép M250 và rọ thép lõi đá học; mái kênh được gia cố bằng cấu kiện bê tông âm dương đúc sẵn.

- Cửa van phẳng bằng thép, đóng mở bằng vít điện kết hợp thủ công.

11.4. Xây dựng mới cống Sa Đê tại K20+311 đê hữu Ninh Cơ, huyện Trực Ninh:

- Cống lộ thiên bằng bê tông cốt thép M250, chiều rộng $B=4,0\text{m}$, cao độ đáy -2,50m; xử lý nền bằng cọc bê tông cốt thép M300; hai bên thân cống đắp đất sét luyện; liên kết giữa các phân đoạn cống, giữa cống và tường cánh bằng khớp nối đồng; chống thấm đáy cống phía sông, phía đồng bằng cừ larsen.

- Tường cánh thượng hạ lưu, bề tiêu năng bằng bê tông cốt thép M250, xử lý nền tường cánh bằng cọc bê tông cốt thép M300.

- Kênh nối tiếp phía sông kết cấu đáy bằng rọ thép lõi đá học; mái kênh gia cố bằng cấu kiện bê tông âm dương đúc sẵn.

- Kênh nối tiếp phía đồng kết cấu đáy bằng bê tông cốt thép M250 và rọ thép lõi đá học; mái kênh được gia cố bằng cấu kiện bê tông âm dương đúc sẵn.

- Cửa van phẳng bằng thép, đóng mở bằng tời điện.

11.5. Xây dựng mới cống trạm bơm Đông Cao tại K22+720 đê hữu Đào, huyện Ý Yên:

- Cống lộ thiên bằng bê tông cốt thép M250, chiều rộng $B=2,0\text{m}$, cao độ đáy +2,0m; xử lý nền bằng cọc bê tông cốt thép M300; hai bên thân cống đắp đất sét luyện; liên kết giữa các phân đoạn cống, giữa cống và tường cánh bằng khớp nối đồng; chống thấm đáy cống phía sông bằng cừ larsen.

- Tường cánh thượng hạ lưu, bề tiêu năng bằng bê tông cốt thép M250, xử lý nền tường cánh bằng cọc bê tông cốt thép M300.

- Kênh nối tiếp cửa vào, cửa ra kết cấu bằng bê tông cốt thép M250.

- Cửa van phẳng bằng thép, đóng mở bằng vít điện kết hợp thủ công.

11.6. Xây dựng mới cống An Phú tại K3+170 đê tả Ninh, huyện Xuân Trường:

- Cống hộp bằng bê tông cốt thép M250, khẩu độ $1 \times (2,0 \times 2,5)\text{m}$, cao độ đáy -1,0m; xử lý nền bằng cọc bê tông cốt thép M300; hai bên thân cống và trên đỉnh cống đắp đất sét luyện; liên kết giữa các phân đoạn cống, giữa cống và tường cánh bằng khớp nối đồng; chống thấm đáy cống phía sông bằng cừ larsen.

- Tường cánh thượng hạ lưu, bề tiêu năng bằng bê tông cốt thép M250, xử lý nền tường cánh bằng cọc bê tông cốt thép M300.

- Kênh nối tiếp cửa vào, cửa ra kết cấu đáy bằng bê tông cốt thép M250 và rọ thép lõi đá hộc; mái kênh được gia cố bằng cấu kiện bê tông âm dương đúc sẵn.

- Cửa van phẳng bằng thép, đóng mở bằng vít điện kết hợp thủ công.

11.7. Xây dựng mới công Thanh Khê tại K167+162 đê tả Đáy, huyện Ý Yên:

- Công hợp bằng bê tông cốt thép M250, khẩu độ 1x(1,5x2,0)m, cao độ đáy +0,50m; xử lý nền bằng cọc bê tông cốt thép M300; hai bên thân công và trên đỉnh công đắp đất sét luyên; liên kết giữa các phân đoạn công, giữa công và tường cánh bằng khớp nối đồng; chống thấm đáy công phía sông bằng cừ larsen.

- Tường cánh thượng hạ lưu, bề tiêu năng bằng bê tông cốt thép M250, xử lý nền tường cánh bằng cọc bê tông cốt thép M300.

- Kênh nối tiếp cửa vào, cửa ra kết cấu đáy bằng bê tông cốt thép M250 và rọ thép lõi đá hộc; mái kênh được gia cố bằng cấu kiện bê tông âm dương đúc sẵn.

- Cửa van phẳng bằng thép, đóng mở bằng vít điện kết hợp thủ công.

12. Tổng mức đầu tư dự án thành phần: 111.977.000.000 đồng (Một trăm mười một tỷ, chín trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Trong đó:

- Chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án:	1.705.000.000 đồng.
- Chi phí giai đoạn thực hiện dự án:	110.272.000.000 đồng.
+ Chi phí xây dựng:	80.074.210.000 đồng.
+ Chi phí thiết bị:	6.522.861.000 đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	1.645.233.000 đồng.
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	5.415.913.000 đồng.
+ Chi phí khác:	1.549.002.000 đồng.
+ Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng:	3.055.347.000 đồng.
+ Chi phí dự phòng:	12.009.434.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2025.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc.

16. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng

- Phạm vi giải phóng mặt bằng bao gồm mặt bằng xây dựng công trình và diện tích đất phục vụ thi công.

- Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng bao gồm: Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất; nhà cửa và vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất; các chính sách hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo quy định.

- Dự kiến kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng: 3.055.347.000 đồng.

17. Những lưu ý giai đoạn sau

- Kiểm tra, rà soát, bổ sung, cập nhật tài liệu khảo sát địa hình, địa chất đảm bảo phù hợp với hiện trạng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn hiện hành làm cơ sở thiết kế bản vẽ thi công, xác định dự toán xây dựng công trình phù hợp.

- Tổ chức tính toán, kiểm tra ổn định công trình theo quy định hiện hành để xác định cụ thể, chính xác hóa các thông số thiết kế công đảm bảo kinh tế - kỹ thuật.

- Đánh giá cụ thể ảnh hưởng của việc thi công công đến các công trình lân cận; lập tiến độ, biện pháp tổ chức thi công chi tiết, xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật thi công, lựa chọn biện pháp và thiết bị thi công phù hợp đảm bảo an toàn, ổn định công trình.

- Tổ chức lập, phê duyệt Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và thực hiện đảm bảo tiến độ thi công xây dựng công trình.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm rà soát kỹ về khối lượng thiết kế bản vẽ thi công; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình; xây dựng, phê duyệt phương án đảm bảo an toàn chống lũ của đê trong quá trình thi công và tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định:

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư trong tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và trong quá trình thi công xây dựng công trình để đảm bảo tiến độ dự án.

- Chỉ đạo đơn vị quản lý, khai thác nhận bàn giao công trình hoàn thành trên địa bàn tỉnh Nam Định để quản lý, khai thác công trình theo quy định.

2. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan của giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho Chủ đầu tư dự án.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định thực hiện chức năng chủ đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các bước theo đúng quy định hiện hành.

4. Tổng cục Phòng, chống thiên tai là cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

5. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng, chống thiên tai, Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KHĐT;
- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh Nam Định;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định;
- Sở NN&PTNT Nam Định;
- Các Vụ: Kế hoạch, Tài chính;
- Lưu: VT, PCTT (QLĐĐ, KHTC).(20b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp